

Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự

Nguyễn Ngọc Chí*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 3 năm 2007

Tóm tắt. Bài viết phân tích làm rõ việc bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự thể hiện qua một số nội dung, mà cụ thể là: 1. Qua các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự. 2. Qua quy định của Luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn. 3. Qua các quy định về khởi tố vụ án hình sự. 4. Qua các quy định về điều tra - truy tố. 5. Qua các quy định về thi hành bản án.

Pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người thông qua việc “chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội” hướng tới mục đích “góp phần bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm” [1, 2].

Những định hướng trên được quán triệt và thể hiện ở tất cả các quy định của luật TTHS trong quá trình giải quyết vụ án: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) và người THTT, tạo thành hệ thống các quy phạm làm cơ sở cho việc bảo vệ quyền con người [3]

1. Bảo vệ quyền con người thông qua các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự

Nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS là những phương châm, định hướng chi phối toàn bộ hay một số giai đoạn của hoạt động TTHS trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật TTHS. Những nguyên tắc cơ bản này đã thể hiện đầy đủ quan điểm định hướng của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người [4, tr. 45]. Trong số 30 nguyên tắc cơ bản được quy định ở Bộ luật TTHS năm 2003 (từ Điều 3 - Điều 32) ở những cấp độ khác nhau đều thể hiện tinh thần bảo vệ quyền con người với hai định hướng: (1) Xử lý nhanh chóng, kịp thời đúng pháp luật đối với tội phạm xâm phạm quyền con người và (2) Đảm bảo không làm ảnh hưởng tới quyền con người khi tiến hành tố tụng.

1.1. Những nguyên tắc đảm bảo cho việc phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh những tội phạm xâm phạm quyền con người bao gồm

1.1.1. Nguyên tắc pháp chế XHCN

Pháp chế XHCN là nguyên tắc Hiến định (Điều 12 Hiến pháp năm 1992) được quán

*ĐT: 84-4-7160796

E-mail: chinng@vnu.edu.vn

triệt và quy định tại Điều 3 Bộ luật TTHS: “Mọi hoạt động TTHS phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này”. Nguyên tắc pháp chế XHCN đòi hỏi mọi hoạt động TTHS phải được luật điều chỉnh chặt chẽ và pháp luật đó phải được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh. Nguyên tắc này có ý nghĩa đảm bảo cho việc tiến hành giải quyết vụ án nhanh chóng, chính xác có hiệu quả đồng thời cũng đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nội dung của nguyên tắc pháp chế trong TTHS và được biểu hiện như sau: a) Các hoạt động tố tụng, trình tự thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan THTT, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng và của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân phải được quy định trong Luật TTHS một cách cụ thể, rõ ràng, phù hợp với thực tế; b) Mục đích giải quyết vụ án theo hướng phát hiện nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội chỉ có thể đạt được khi có sự chấp hành một cách tự nguyện, triệt để pháp luật TTHS của các chủ thể.

1.1.2. Nguyên tắc đảm bảo thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS

Nguyên tắc này quy định hai chức năng của Viện kiểm sát đó là: chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật TTHS trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đảm bảo cho việc bất kỳ một tội phạm phạm nào, trong đó có các tội xâm phạm quyền con người đều bị truy tố và chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật TTHS đảm bảo cho yêu cầu tăng cường pháp chế. Trong các giai đoạn của TTHS, Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng những biện

pháp do bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của bất kỳ cá nhân tổ chức nào. Việc kiểm sát tuân theo pháp luật TTHS được Viện kiểm sát thực hiện từ khi có tin báo và tố giác về tội phạm đến giai đoạn thi hành án, bằng các biện pháp của Luật TTHS như: phê chuẩn các quyết định của cơ quan Điều tra, huỷ bỏ các quyết định của các cơ quan THTT, tự mình tiến hành một số hoạt động hoặc ra các quyết định cần thiết trong việc giải quyết vụ án, kháng nghị các bản án và quyết định của Tòa án... quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo cho các hoạt động tố tụng được tuân thủ đúng pháp luật, loại trừ các vi phạm pháp luật của các cá nhân và tổ chức góp phần vào việc bảo vệ quyền con người. Khoản 3 Điều 23 Bộ luật TTHS quy định: “Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội”.

1.1.3. Nguyên tắc giám đốc việc xét xử

Giám đốc xét xử là việc Tòa án cấp trên kiểm tra tính đúng đắn về hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới. Việc giám đốc của Tòa án cấp trên nhằm khắc phục những sai lầm thiếu sót đó là cần thiết, góp phần vào bảo vệ pháp chế XHCN, xử lý công minh, không để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên thông qua các hoạt động: kiểm tra phát hiện những sai lầm, thiếu sót của Tòa án cấp dưới; giải quyết khiếu nại của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và của công dân về các bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật; tổng kết kinh nghiệm xét xử; hướng dẫn Tòa án cấp

dưới áp dụng pháp luật thống nhất; kháng nghị bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.

1.1.4. Nguyên tắc tiếng nói, chữ viết dùng trong TTHS

Tiếng nói và chữ viết trong tố tụng hình sự không những là vấn đề mang tính kỹ thuật đảm bảo tính chính xác, khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự mà còn là cơ sở để thực hiện quyền dân chủ và là điều kiện thực tế để công dân thực hiện quyền tố tụng của họ. Vì vậy, những người không biết hoặc sử dụng không thành thạo tiếng Việt thì họ sẽ sử dụng tiếng nói và chữ viết thông thạo nhất và trong trường hợp này phải có phiên dịch.

1.1.5. Nguyên tắc đảm bảo sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng

Người THTT, người phiên dịch, người giám định là những người có trách nhiệm chứng minh tội phạm làm rõ bản chất vụ án nên việc vô tư của họ khi THTT có ý nghĩa quan trọng góp phần giải quyết vụ án khách quan, bảo vệ quyền con người. Luật TTHS quy định họ sẽ không được tiến hành hoặc tham gia tố tụng, nếu có lý do xác đáng để cho rằng có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Những lý do xác đáng để cho rằng họ không vô tư mới chỉ là khả năng, nhưng để đảm bảo chắc chắn có sự vô tư khi giải quyết vụ án hình sự nên khi có căn cứ quy định tại các Điều 42 đến 47 Bộ luật TTHS thì họ phải từ chối THTT hoặc buộc phải thay đổi nếu họ không từ chối. Nguyên tắc này góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền con người trong TTHS.

1.1.6. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

Xác định sự thật khách quan là mục đích của quá trình giải quyết vụ án hình sự góp

phần bảo vệ quyền con người. Điều 10 Bộ luật TTHS quy định các cơ quan THTT phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo và trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan THTT. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội. Như vậy, trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan THTT, người THTT. Bị can, bị cáo không có nghĩa vụ phải chứng minh họ vô tội, không phải chứng minh sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp Luật TTHS quy định họ có quyền đưa ra các chứng cứ và yêu cầu chứng minh mình không phạm tội. Các cơ quan THTT phải tạo điều kiện để bị can, bị cáo đưa ra các chứng cứ và giải quyết các yêu cầu mà họ đưa ra, phải xem xét một cách khách quan các chứng cứ và yêu cầu đó không được có thái độ thiên vị hoặc bỏ qua.

1.1.7. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và làm oan người vô tội là nhiệm vụ trong quá trình giải quyết vụ án góp phần bảo vệ quyền con người. Nguyên tắc này quy định: Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý tội phạm. (Điều 13 Bộ luật TTHS). Nguyên tắc này được quy định trong Luật TTHS nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện,

khởi tố và bị xử lý không để lọt tội phạm, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

1.1.8. Nguyên tắc đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan THTT với các cơ quan Nhà nước khác các tổ chức xã hội và mọi công dân trong việc giải quyết vụ án

Để thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài việc thực hiện tốt các quyền hạn trách nhiệm của mình các cơ quan THTT còn phải có phối hợp với nhau đồng thời phải phối hợp với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân. Nguyên tắc này không những là đảm bảo cho việc giải quyết vụ án nhanh chóng có hiệu quả mà còn là sự thể hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm của toàn xã hội.

1.1.9. Nguyên tắc Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Xét xử là hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án, trong hệ thống cơ quan Nhà nước thì chỉ có Tòa án có quyền xét xử về hình sự. Việc xét xử của Tòa án phải dựa trên cơ sở pháp luật mới đảm bảo tính khách quan, vô tư không bị phụ thuộc bởi bất kỳ tác động khách quan hay chủ quan nào. Điều 16 Bộ luật TTHS quy định: “Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

1.1.10. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số

Để đảm bảo việc xét xử thận trọng, khách quan đúng người, đúng tội Luật TTHS quy định nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số (Điều 18 Bộ luật TTHS). Theo nguyên tắc này thì việc xét xử các vụ án ở các cấp Tòa án đều hiện theo chế độ hội đồng. Khi quyết định các vấn đề của

vụ án được thực hiện bằng cách biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử là ý kiến đa số.

1.1.11. Nguyên tắc xét xử công khai

Trong thiết chế dân chủ thì công khai là thuộc tính quan trọng, vì vậy xét xử công khai được quy định là nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS. Điều 18 Bộ luật TTHS quy định: “Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi người đều có quyền tham dự”. Nguyên tắc này tạo điều kiện để nhân dân kiểm tra công việc xét xử của Tòa án có tác dụng nâng cao trách nhiệm trong việc xét xử của Tòa án đồng thời thông qua đó giáo dục ý thức pháp luật của công dân động viên đông đảo mọi người tham gia vào cuộc đấu tranh chống tội phạm.

1.1.12. Nguyên tắc đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của công dân đối với hoạt động của các cơ quan THTT

Nguyên tắc này thể hiện bản chất dân chủ của pháp luật TTHS nước ta, nó có ý nghĩa không những đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn góp phần vào việc phát hiện khắc phục sai lầm của các cơ quan THTT, người THTT trong quá trình giải quyết vụ án. Điều 31 Bộ luật TTHS quy định: Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, công dân có quyền tố cáo những việc làm trái pháp luật trong hoạt động TTHS của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành TTHS hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó. Cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo biết và có biện pháp khắc phục.

1.1.13. Nguyên tắc không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 10 Bộ luật TTHS)

Trong hệ thống các cơ quan Nhà nước thì Toà án có chức năng xét xử về hình sự mà nội dung của nó là đánh giá các chứng cứ một cách chính thức tại phiên tòa để ra những phán quyết về sự việc phạm tội và hành vi phạm tội, đồng thời quyết định áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi do người phạm tội thực hiện. Vì vậy, một người chỉ bị coi là có tội và bị áp dụng hình phạt khi Toà án đã xem xét, đánh giá chứng cứ chính thức tại phiên tòa và có đủ cơ sở để kết luận hành vi của họ đã CTTT theo các điều, khoản của BLHS bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Việc quy định nguyên tắc này trong Luật TTHS đã khắc phục được sự định kiến của các cơ quan THTT đối với bị can, bị cáo đồng thời còn tạo điều kiện để bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình

1.2. Các nguyên tắc đảm bảo không làm ảnh hưởng đến quyền con người khi tiến hành tố tụng

Trong quá trình giải quyết vụ án, các hoạt động của cơ quan THTT ảnh hưởng tới các quyền của công dân, đặc biệt là các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp như: quyền tự do thân thể, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện tín, điện báo... Vì vậy, Luật TTHS quy định các nguyên tắc nhằm đảm bảo các quyền con người.

1.2.1. Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người

Các quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp là thành quả của

cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, những quyền này không chỉ có ý nghĩa chính trị mà còn tác động đến đời sống hàng ngày của người dân [5]. Vì thế, khi tiến hành áp dụng các biện pháp của TTHS để giải quyết vụ án, một mặt phải đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ của TTHS nhưng đồng thời phải tôn trọng các quyền con người cũng như các quyền cơ bản của công dân. Điều 4 BLTTHS quy định khi THTT cơ quan THTT, người THTT “*phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó, nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết nữa*”.

Nội dung nguyên tắc này được thể hiện như sau: a) Tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi tiến hành tố tụng. Các cơ quan THTT, người THTT chỉ được áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ khi có những căn cứ và trong giới hạn quy định của Luật TTHS; b) Thường xuyên kiểm tra, kiểm sát tính hợp pháp, hợp lý của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ, nếu phát hiện thấy có vi phạm pháp luật phải hủy bỏ ngay các quyết định đó; c) Khi những căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ không còn hoặc không cần thiết thì các cơ quan và người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế quyết định áp dụng các biện pháp đó. Tôn trọng và bảo vệ quyền cơ bản của công dân là nguyên tắc có tính chất bao trùm, xuyên suốt trong mọi hoạt động tố tụng của các cơ quan THTT, người THTT nhằm đảm bảo không một công dân nào bị xâm hại tới các quyền và lợi ích hợp pháp.

1.2.2. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân (Điều 6; Điều 8 Bộ luật TTHS)

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, an toàn, bí mật thư tín, điện thoại điện tín là những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất của con người được ghi nhận tại các Điều 71, 72, 73 Hiến pháp năm 1992. Luật TTHS coi việc bảo vệ và tôn trọng các quyền đó của công dân là những nguyên tắc cơ bản trong toàn bộ quá trình THTT giải quyết vụ án. Nội dung của nguyên tắc này như sau: a) Không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát. Khi áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam phải tuân theo quy định của Bộ luật TTHS về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục trình tự của các biện pháp đó. Mọi trường hợp làm trái đều là vi phạm pháp luật và tùy theo mức độ người vi phạm có thể bị truy cứu TNHS. Trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ không được dùng nhục hình, bức cung, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của những tham gia tố tụng. Những trường hợp sử dụng biện pháp đó đều bị coi bất hợp pháp và tùy mức độ mà người vi phạm có thể bị truy cứu TNHS; b) Không ai được xâm phạm chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Trong quá trình THTT chỉ được áp dụng biện pháp khám người, chỗ ở, đồ vật, thư tín, điện thoại, điện báo... khi có căn cứ pháp luật và đúng quy định về thẩm quyền, thủ tục, trình pháp luật. Việc vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân (khám xét trái phép chỗ ở của công dân...) hoặc hành vi phạm về bí mật, an toàn thư tín, điện tín, điện thoại của công dân (Chiếm đoạt, khám xét, thu giữ... thư tín, điện tín, điện thoại của công dân) tùy mức độ có thể bị truy cứu TNHS.

1.2.3. Nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân

Theo quy định của Hiến pháp thì tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản được nhà nước bảo hộ. Điều 7 Bộ luật TTHS nguyên tắc này với các nội dung: a) Công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản; b) Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản đều bị xử lý theo pháp luật. c) Người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ mà bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền THTT phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là nguyên tắc cơ bản đồng thời còn là chế định quan trọng của Luật TTHS mang ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Quyền bào chữa là tổng hợp các hành vi tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan THTT. Quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo với những nội dung sau: a) Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; b) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo được thực hiện quyền bào chữa của họ. Tuy rằng, việc nhờ người khác bào chữa là

quyền của bị can, bị cáo nhưng trong một số trường hợp mặc dù bị can, bị cáo không nhờ người khác bào chữa thì Tòa án vẫn phải chỉ định người bào chữa cho họ theo quy định của pháp luật.

1.2.5. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật (Điều 5 Bộ luật TTHS).

TTHS tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Nội dung nguyên tắc này bao gồm: a) Khi tham gia TTHS mọi người đều có quyền và nghĩa vụ như nhau; b) Bất kỳ ai có hành vi phạm tội đều phải chịu TNHS theo các điều, khoản của BLHS; c) Quá trình giải quyết đối với bất kỳ vụ án nào cũng đều phải theo một trình tự, thủ tục thống nhất theo quy định của pháp luật TTHS.

1.2.6. Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan

Nhằm đảm bảo quyền con người Luật TTHS quy định những trường hợp bị oan do các cơ quan THTT gây ra đều được bồi thường. Điều 29 Bộ luật TTHS quy định những nội dung sau: a) Người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi; b) Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; c) Người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở nguyên tắc này, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 388

quy định chi tiết việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền của các cơ quan THTT gây ra. Những quy định này của pháp luật đã góp phần tích cực vào việc bảo vệ quyền con người.

1.2.7. Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành TTHS gây ra

Điều 30 Bộ luật TTHS quy định việc bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại về thể chất, tài sản... do cơ quan THTT và người THTT gây ra trong quá trình THTT giải quyết vụ án hình sự với những nội dung sau: a) Người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại; b) Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS bồi thường cho người bị thiệt hại; c) Người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ quyền con người thông qua quy định của luật TTHS về các biện pháp ngăn chặn

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự các cơ quan THTT được áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế trong đó có biện pháp ngăn chặn. Biện pháp ngăn chặn là chế định pháp lý quan trọng được quy định tại Chương VI Bộ luật TTHS bao gồm các biện pháp: Bắt; tạm giữ; tạm giam; cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm. Nhằm tránh việc lợi dụng của các cơ quan THTT và người THTT khi áp dụng áp dụng những biện pháp này xâm hại đến quyền con người Luật TTHS quy định chặt chẽ mục đích, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng.

2.1. Mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn

Điều 79 Bộ luật TTHS quy định chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn với hai mục đích, đó là: 1) Ngăn chặn không cho tội phạm tiếp tục xảy ra gây thiệt hại cho xã hội, không để người phạm tội tiếp tục thực hiện tội phạm hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật; 2) Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan THTT giải quyết vụ án như không để người phạm tội có thể xóa bỏ dấu vết phạm tội, tiêu huỷ chứng cứ, làm giả chứng cứ, thông cung giữa những người phạm tội hoặc với người làm chứng, đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo, bị án khi có yêu cầu của cơ quan THTT. Ngoài hai mục đích trên biện pháp ngăn chặn không được áp dụng với bất kỳ mục đích nào khác nhất là đôi với ý đồ xâm phạm quyền con người.

2.2. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn

Để đảm bảo đạt được mục đích đặt ra của biện pháp ngăn chặn đồng thời bảo vệ các quyền con người không bị xâm hại, Luật TTHS quy định căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đó là: 1) Để kịp thời ngăn chặn tội phạm; 2) Khi có căn cứ cho rằng bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội; 3) Khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử; 4) Để đảm bảo thi hành án.

Như vậy, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn là những tài liệu, chứng cứ mang tính dự báo về khả năng bị can, bị cáo thực hiện các hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở thi hành án. Khi áp dụng biện pháp ngăn chặn phải dựa vào một trong những căn cứ vừa nêu trên chứ không phải bất kỳ trường hợp nào bị can, bị cáo cũng đều bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn. Việc có hay không áp dụng biện pháp ngăn chặn và áp dụng biện pháp ngăn chặn nào tùy thuộc vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của bị can, bị cáo và điều kiện, khả năng quản lý họ của các cơ quan THTT.

Đôi với từng biện pháp ngăn chặn Luật TTHS còn quy định những căn cứ cụ thể cho từng biện pháp tránh sự áp dụng tràn lan không có căn cứ.

2.3. Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn

Ngoài biện pháp bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang, người có lệnh truy nã mà bất kỳ ai cũng có quyền bắt quy định tại Điều 82 Bộ luật TTHS thì những biện pháp ngăn chặn khác phải do những người có trách nhiệm của các cơ quan THTT mới có thẩm quyền áp dụng.

Đôi với việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 81 Bộ luật TTHS) và biện pháp tạm giữ (Điều 86 Bộ luật TTHS) thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng phải là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; b) Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; c) Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 80 Bộ luật TTHS) và biện pháp tạm giam (Điều 88 Bộ luật TTHS) phải là: a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và Viện kiểm sát quân sự các cấp; b) Chánh án, Phó Chánh án TAND, Tòa án quân sự các cấp; c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà Tòa phúc thẩm TANDTC; Hội đồng xét xử; d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp.

Thẩm quyền áp dụng các biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91 Bộ luật TTHS); Bảo lãnh (Điều 92 Bộ luật TTHS); Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo (Điều 93 Bộ luật TTHS) do: a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và Viện kiểm sát quân sự các cấp; b) Chánh án, Phó Chánh án TAND và Tòa án quân sự các cấp; c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh Tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm TANDTC; Hội đồng xét xử; d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; đ) Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc bảo lãnh.

2.4. Thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn

Thủ tục, trình tự khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn cũng được quy định chặt chẽ đảm bảo cho việc đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả đồng thời không để bị lợi dụng để xâm hại quyền con người. Tương ứng với mỗi biện pháp ngăn chặn luật quy định chi tiết thủ tục áp dụng đối với cơ quan THTT, người THTT, người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. Đó là các thủ tục về tiến hành, thủ tục lập biên bản, thủ tục ra quyết định, thủ tục phê chuẩn... và thời hạn, thời điểm áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

3. Bảo vệ quyền con người thông qua các quy định về khởi tố vụ án hình sự

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu của quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền có nhiệm vụ sử dụng các biện pháp của TTHS để xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm, trên cơ sở đó các cơ quan này sẽ ra một trong hai quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự và

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án hình sự đối với tội phạm nói chung và các tội xâm phạm quyền công dân có ý nghĩa quan trọng trong cơ chế bảo vệ quyền con người của hệ thống pháp luật nước ta. Chính vì vậy, Bộ luật TTHS quy định căn cứ, cơ sở của việc khởi tố vụ án và không khởi tố vụ án hình sự cũng như thẩm quyền, trình tự, thủ tục ra Quyết định khởi tố vụ án và việc kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

3.1. Căn cứ và cơ sở khởi tố vụ án hình sự. Theo đó

1) Căn cứ khởi tố vụ án hình sự, Luật TTHS quy định chi được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Quy định này trước hết khẳng định các cơ quan có thẩm quyền chỉ khởi tố vụ án hình sự khi thu thập được các chứng cứ chứng minh có dấu hiệu của tội phạm, tránh việc khởi tố vụ án không có căn cứ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, xã hội và công dân. Thứ hai, việc khởi tố vụ án hình sự không chỉ là quyền hạn mà còn là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tội phạm xảy ra trong đó có các tội phạm xâm phạm quyền con người.

2) Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những cơ sở sau đây: a) Tố giác của công dân; b) Tin báo của cơ quan, tổ chức; c) Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; d) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm; đ) Người phạm tội tự thú.

3) Những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự: Điều 107 Bộ luật TTHS quy định không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây: a) Không có sự

việc phạm tội; b) Hành vi không cấu thành tội phạm; c) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS; d) Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đ) Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS; e) Tội phạm đã được đại xá; f) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Quy định này bảo đảm cho các quyền con người được tôn trọng, không bị khởi tố khi không có dấu hiệu tội phạm.

Những quy định về căn cứ và cơ sở khởi tố và căn cứ không khởi tố vụ án hình sự đã khẳng định hướng chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta là, mọi tội phạm đều bị phát hiện và xử lý góp phần bảo vệ quyền con người trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

3.2. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

Trong bộ máy Nhà nước ta có nhiều loại cơ quan để thực hiện các chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, việc khởi tố vụ án hình sự chỉ giao cho các cơ quan THTT và một số cơ quan quản lý Nhà nước trong một số lĩnh vực nhất định mà không quy định cho tất cả các cơ quan Nhà nước. Quy định như vậy một mặt đảm bảo sự phân công quyền lực giữa các cơ quan trong Nhà nước XHCN, mặt khác đảm bảo nguyên tắc thận trọng, khách quan trong TTHS, tôn trọng quyền con người.

Điều 103 Bộ luật TTHS quy định nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc về các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và trong thời hạn hai mươi ngày hoặc hai tháng trong trường hợp phức tạp, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra

trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan Nhà nước phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết. Cơ quan điều tra phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác tội phạm. Điều 104 quy định Quyết định khởi tố vụ án hình sự thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và một số cơ quan khác khác được giao tiến hành một số hoạt động tố tụng.

3.3. Thủ tục khởi tố vụ án hình sự

Để đảm bảo quyền con người không bị xâm hại và tính chính xác khách quan trong quá trình giải quyết vụ án Luật TTHS quy định trình tự, thủ tục khởi tố vụ án hình sự như sau:

3.3.1. Trình tự

Tiếp nhận tin báo và tố giác tội phạm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan Nhà nước chuyển đến. Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trong thời hạn hai mươi ngày (hoặc hai tháng), kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan Nhà nước phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết. Cơ quan điều tra phải bảo vệ người đã tố giác tội phạm. Còn Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của Cơ quan điều tra đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự: Khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; các cơ quan khác có thẩm quyền; Hội đồng xét xử phải ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự.

3.3.2. Thủ tục

Tất cả các hoạt động xác minh làm rõ dấu hiệu tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền đều phải được tiến hành theo quy định của pháp luật và phải được phản ánh trong biên bản.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố, điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng và họ tên, chức vụ người ra quyết định.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp.

4. Bảo vệ quyền con người thông qua các quy định về điều tra - truy tố

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn của TTHS trong đó Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chứng minh tội phạm, người phạm tội và những vấn đề khác có liên quan đến vụ án làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án. Đồng thời thông qua hoạt

động điều tra xác định nguyên nhân điều kiện phạm tội đối với từng vụ án cụ thể và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa với các cơ quan và tổ chức hữu quan.

Giai đoạn điều tra thực chất là quá trình làm sáng tỏ tất cả sự thật khách quan vụ án của Cơ quan điều tra nhằm phục vụ cho việc xử lý tội phạm bảo vệ quyền con người vì vậy các quy định về điều tra của Luật TTHS đều hướng tới mục tiêu này.

4.1. Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra

Theo quy định của Luật TTHS giai đoạn điều tra có nhiệm vụ chứng minh:

1) Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;

2) Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực TNHS hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

3) Xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội, kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện biện pháp phòng ngừa.

4.2. Các biện pháp điều tra

Các biện pháp điều tra trong TTHS khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên Luật TTHS quy định chặt chẽ căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp này. Các biện pháp bao gồm: 1) Khởi tố bị can; 2) Hỏi cung bị can; 3) Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đôi chất và nhận dạng; 4) Khám

xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; 5) Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định.

4.3. Các quy định khác về hoạt động điều tra

1) Thời hạn điều tra. Quá trình điều tra làm rõ bản chất vụ án là giai đoạn quan trọng của quá trình giải quyết vụ án những không phải vô thời hạn. Vì vậy, để đảm bảo việc xử lý kịp thời tội phạm và đảm bảo quyền con người Luật TTHS quy định thời hạn của giai đoạn điều tra (Điều 119 Bộ luật TTHS); Thời hạn phục hồi điều tra; điều tra bổ sung, điều tra lại (Điều 121 Bộ luật TTHS). Hết thời hạn quy định trên nếu không chứng minh được tội phạm CQĐT phải ra quyết định đình chỉ vụ án.

2) Tạm đình chỉ điều tra; đình chỉ điều tra. Cũng vì mục đích tôn trọng và đảm bảo quyền con người mà luật TTHS quy định trong một số trường hợp tuy chưa hết hạn hoặc đã hết hạn nhưng việc điều tra được tạm đình chỉ hoặc đình chỉ.

Những trường hợp tạm đình chỉ điều tra: Khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác; Trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra.

Những trường hợp đình chỉ điều tra: Có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 của Bộ luật TTHS hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của BLHS; Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

3) Giải quyết các yêu cầu của người tham gia tố tụng. Khi người tham gia tố tụng có yêu cầu về những vấn đề liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình, giải quyết

yêu cầu của họ và báo cho họ biết kết quả. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát phải trả lời và nêu rõ lý do. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát thì người tham gia tố tụng có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Chương XXXV Bộ luật TTHS.

4) Sự tham dự của người chứng kiến. Người chứng kiến được mời tham dự hoạt động điều tra trong những trường hợp do Bộ luật TTHS quy định. Người chứng kiến có trách nhiệm xác nhận nội dung và kết quả công việc mà Điều tra viên đã tiến hành trong khi mình có mặt và có thể nêu ý kiến cá nhân. ý kiến này được ghi vào biên bản.

5) Biên bản điều tra. Khi tiến hành điều tra phải lập biên bản theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật TTHS. Điều tra viên lập biên bản phải đọc lại biên bản cho người tham gia tố tụng nghe, giải thích cho họ biết quyền được bổ sung và nhận xét về biên bản. Nhận xét đó được ghi vào biên bản. Người tham gia tố tụng và Điều tra viên cùng ký tên vào biên bản.

Trong trường hợp người tham gia tố tụng từ chối ký vào biên bản, thì việc đó phải được ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Nếu người tham gia tố tụng vì nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc vì lý do khác mà không thể ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; Điều tra viên và người chứng kiến cùng xác nhận. Người không biết chữ thì điểm chỉ vào biên bản.

6) Kết thúc điều tra. Kết thúc điều tra là việc Cơ quan điều tra đã hoàn thành nhiệm vụ điều tra hoặc hết thời hạn điều tra bằng việc ra quyết định đề nghị truy tố hay quyết định đình chỉ vụ án. Trong quá trình điều tra vụ án, khi đã có đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội thì Cơ quan điều tra

làm bản kết luận điều tra và quyết định đề nghị truy tố bị can trước Tòa án. Bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra phải nêu rõ đầy đủ hành vi phạm tội cùng những chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội đồng thời cũng phải nêu rõ các nguyên nhân, điều kiện phạm tội và các kiến nghị khắc phục, giải quyết. Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ, chữ ký của người làm bản kết luận điều tra. Kèm theo bản kết luận điều tra phải có bản kê về thời hạn điều tra, biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng có ghi rõ thời hạn tạm giữ, tạm giam, vật chứng, việc kiện dân sự, biện pháp để đảm bảo việc phạt tiền, bồi thường và tịch thu tài sản nếu có.

7) Kiểm sát điều tra và các quyết định của Viện kiểm sát khi kết thúc điều tra. Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra nói riêng và các hoạt động TTHS nói riêng đồng thời thực hành quyền công tố.

Hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của Viện kiểm sát nhằm mục đích: a) Đảm bảo để mọi hành vi phạm tội đều phải được điều tra xử lý kịp thời, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội; b) Bảo đảm để không một người nào có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm một cách trái pháp luật; c) Bảo đảm mọi hoạt động điều tra phải phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật TTHS; d) Bảo đảm việc truy cứu TNHS đối với bị can có căn cứ và hợp pháp.

Để thực hiện các nghĩa vụ trên trong quá trình điều tra Viện kiểm sát được tiến hành các hoạt động sau: a) Kiểm sát việc khởi tố, tự mình khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và chuyển đến Cơ quan điều tra để tiến hành hoặc trực tiếp tiến hành điều tra trong những

trường hợp Bộ luật TTHS quy định; b) Phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra trong những trường hợp quy định của Bộ luật TTHS; c) Quyết định áp dụng, thay đổi huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; d) Đề ra yêu cầu điều tra, trả hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp tài liệu cần thiết về tội phạm và việc làm vi phạm pháp luật của điều tra viên nếu có; đ) Kiểm sát việc khám xét, khám nghiệm, việc hỏi cung bị can và các hoạt động điều tra khác của Cơ quan điều tra, trực tiếp hỏi cung bị can khi thấy cần thiết; e) Quyết định truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra, chuyển vụ án, huỷ bỏ các quyết định trái pháp luật của Cơ quan điều tra; f) Yêu cầu thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra.

Ngoài ra, còn truy tố bị can trước Tòa án bằng một bản cáo trạng. Bản cáo trạng là văn bản pháp lý của Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố Nhà nước, truy tố bị can và những hành vi phạm tội của họ trước Tòa án, đồng thời có quyền khiếu nại đối với hoạt động của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Trong quá trình THTT, nếu có khiếu nại về hoạt động của Điều tra viên, Kiểm sát viên thì tiến hành theo thủ tục của Bộ luật TTHS quy định. Khiếu nại phải được giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Trong mọi trường hợp khiếu nại phải nêu rõ lý do.

5. Bảo vệ quyền con người thông qua các quy định về xét xử

Xét xử là hoạt động trung tâm của quá trình giải quyết vụ án hình sự thể hiện bản chất của nền tư pháp quốc gia nên việc bảo

vệ quyền con người được thể hiện tập trung nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Theo Bộ luật TTHS năm 2003 thì việc bảo vệ quyền con người được thể hiện thông qua các quy định sau:

Các nguyên tắc của luật TTHS được quán triệt trong giai đoạn xét xử

Như đã trình bày ở phần trên, những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS là những phương châm định hướng được áp dụng ở tất cả các giai đoạn của TTHS nên những nguyên tắc đó ở đều được áp dụng trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự ở những mức độ khác nhau. Chính vì vậy, mọi hoạt động xét xử của Tòa án đều nhằm tới việc bảo vệ quyền con người với hai định hướng (1) xử lý nhanh chóng, kịp thời đúng pháp luật đối với tội phạm xâm phạm quyền con người và (2) đảm bảo không làm ảnh hưởng tới quyền con người khi THTT.

1) Ngoài những nguyên tắc cơ bản đó trong xét xử Luật TTHS còn quy định nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục với nội dung: a) Tòa án phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi và nghe ý kiến của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định, xem xét vật chứng và nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; b) Việc xét xử phải tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ.

2) Đảm bảo việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa. Theo tinh thần Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp thì tại phiên tòa phải thực hiện tranh tụng nhằm đảm bảo giải quyết vụ án khách quan khắc phục tình trạng oan sai. Tòa án, Viện kiểm sát phải tạo

mọi điều kiện thuận lợi để bị cáo, người tham gia tố tụng đặc biệt là người bào chữa thực hiện quyền tranh tụng và tất cả các quyết định của Hội đồng xét xử phải dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên tinh thần đó, Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục phiên tòa tại Chương XX đảm bảo cho việc tranh tụng giữa các bên trong vụ án hình sự.

Quy định về tranh tụng tại phiên tòa của Bộ luật TTHS năm 2003 là bước tiến quan trọng trong lộ trình cải cách tư pháp ở nước ta hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo vệ quyền con người.

3) Đảm bảo thực hành nguyên tắc hai cấp xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự để đảm bảo tính khách quan, thận trọng tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội Bộ luật TTHS quy định nguyên tắc thực hành hai cấp xét xử với nội dung sau: a) Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử; b) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật TTHS. Bản án và quyết định sơ thẩm của Tòa án trong thời hạn luật quy định (15 hoặc 30 ngày) chưa có hiệu lực pháp luật. Trong thời hạn đó bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát trên một cấp có quyền kháng nghị bản án và quyết định sơ thẩm để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật; c) Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật TTHS quy định thì có hiệu lực pháp luật; d) Đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

4) Đảm bảo cơ cấu thành phần Hội đồng xét xử. Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS là khi xét xử có Hội thẩm tham gia. Nguyên tắc này một mặt đảm bảo quyền của công dân được tham gia vào công việc của nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đồng thời giúp cho việc giải quyết vụ án khách quan phù hợp với thực tế đời sống xã hội. Thể hiện tinh thần đó Bộ luật TTHS năm 2003 quy định khi xét xử có Hội thẩm tham gia: *"Việc xét xử của Tòa án nhân dân có Hội thẩm nhân dân, của Tòa án quân sự có Hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của Bộ luật này. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán"* (Điều 15 Bộ luật TTHS). Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm bao gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân, đôi với vụ án phức tạp thành phần Hội đồng xét xử bao gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm nhân dân. Khi cần thiết Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng có Hội thẩm tham gia. Đôi với những vụ án là người chưa thành niên phạm tội thì tham gia Hội đồng xét xử phải là những Hội thẩm có sự hiểu biết về tâm sinh lý trẻ em, phải là người của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc là giáo viên. Tất cả các trường hợp không có Hội thẩm tham gia hoặc thiếu số lượng Hội thẩm hoặc thành phần Hội thẩm không đúng như quy định của pháp luật thì đều bị coi là vi phạm pháp luật tố tụng một cách nghiêm trọng và đều bị kháng nghị để xét lại bản án theo trình tự giám đốc thẩm.

Việc tham gia xét xử của Hội thẩm là quy định cần thiết mang tính chất bắt buộc và không mang tính hình thức. Luật TTHS cũng quy định *"Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán"*, tức là Hội thẩm có quyền và nghĩa vụ như Thẩm phán trong tất cả các khâu của quá trình xét xử từ nghiên cứu hồ sơ đến việc quyết định các nội dung của bản án theo nguyên tắc *"Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số"*.

5) Giám đốc việc xét xử. Giám đốc xét xử là việc Tòa án cấp trên kiểm tra tính đúng đắn về hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới. Trong thực tiễn xét xử do những lý do khác nhau Tòa án cấp dưới có những sai lầm, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án, vì vậy việc giám đốc của Tòa án cấp trên nhằm khắc phục những sai lầm thiếu sót đó là cần thiết, góp phần vào bảo vệ pháp chế XHCN, xử lý công minh, không để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Điều 21 Bộ luật TTHS quy định: *"Tòa án cấp trên giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp dưới, TANDTC giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân và Tòa án Quân sự các cấp để việc áp dụng pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất"*. Theo quy định này, thì chỉ có TAND cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu trở lên có quyền giám đốc và TANDTC có quyền giám đốc việc xét xử đôi với bản án của tất cả các Tòa án.

Giám đốc việc xét xử thể hiện ở việc Tòa án cấp trên xét lại bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp dưới thông qua các hoạt động: kiểm tra phát hiện những sai lầm, thiếu sót của Tòa án cấp dưới; giải quyết khiếu nại của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và của công dân về các bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật; tổng kết kinh nghiệm xét xử; hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng pháp luật thống nhất; kháng nghị bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc. Thông qua các hoạt động này Tòa án cấp trên kịp thời uốn nắn, khắc phục những sai lầm trong công tác xét xử của Tòa án cấp dưới.

6) Trình tự, thủ tục của việc xét xử được quy định cụ thể, chặt chẽ đảm bảo việc xét xử khách quan, công bằng góp phần bảo vệ quyền con người. Trình tự, thủ tục tố tụng nói chung và giai đoạn xét xử nói riêng có ý nghĩa quan trọng đôi với việc giải quyết vụ án một cách khách quan, công bằng. Vì vậy,

Bộ luật TTHS năm 2003 quy định cụ thể trình tự, thủ tục của chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, tái thẩm và giám đốc thẩm nhằm đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm.

6. Bảo vệ quyền con người thông qua các quy định về thi hành bản án

Thi hành bản án là giai đoạn cuối của quá trình giải quyết vụ án hình sự và nó cũng ảnh hưởng không ít tới quyền con người nên luật TTHS cũng quy định trình tự thủ tục cụ thể để tránh sự lợi dụng xâm phạm quyền con người.

6.1. Điều kiện để bản án và quyết định được mang ra thi hành

- Những bản án và quyết định được thi hành là những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bao gồm: a) Những bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; b) Những bản án và quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; c) Những quyết định của Tòa án giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Trong trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn TNHS, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng nghị, kháng cáo.

- Quyết định thi hành bản án của Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

6.2. Thủ tục

- Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành bản án hoặc quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị kết án; bản án hoặc quyết định mà người bị kết án phải chấp hành.

- Trong trường hợp người bị kết án đang tại ngoại thì quyết định thi hành án phạt tù phải ghi rõ trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, người đó phải có mặt tại Cơ quan công an để thi hành án.

- Quyết định thi hành án, trích lục bản án hoặc quyết định phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp nơi thi hành án, cơ quan thi hành án và người bị kết án.

- Trong trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại mà bỏ trốn, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án yêu cầu Cơ quan công an cùng cấp ra quyết định truy nã.

6.3. Trình tự thi hành các hình phạt cụ thể bao gồm

1) Thi hành hình phạt tù hình; 2) Thi hành hình phạt tù và các hình phạt khác (hình phạt tù, hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt trục xuất, hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú, hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản) và 3) Giám thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt sẽ được đề cập trong Phần V Chương thứ ba này).

6.4. Xóa án tích

6.4.1. Dương nhiên xóa án tích

Theo yêu cầu của người được dương nhiên xóa án tích quy định tại Điều 64 của BLHS, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án cấp giấy chứng nhận là họ đã được xóa án tích.

6.4.2. Xóa án tích do Tòa án quyết định

Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án kèm theo nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc. Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp để phát biểu ý kiến bằng văn bản. Nếu xét thấy đủ điều kiện thì Chánh án ra quyết định xóa án tích; trong trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1988, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [2] Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2003, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [3] Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (đồng chủ trì), *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Để tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [4] Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- [5] Chu Hồng Thanh, *Tim hiểu về nhân quyền trong thế giới hiện đại*, NXB Lao động, Hà Nội, 1996.

The protection of human rights by law on criminal procedure

Nguyen Ngoc Chi

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The author analyzed the protection of human rights by Law on Criminal Procedure through some contents such as:

1. Basic norms of Law on Criminal Procedure
2. Regulations of Law on Criminal Procedure about preventive measures
3. Regulations of Introduction of instance to Criminal Cases
4. Regulations of Investigation - Prosecution
5. Regulations of Implementing Criminal Verdicts